

Số: 70⁹ /QĐ-ĐN5

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn Nhà cung cấp:
Thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật Hạng mục: Sửa chữa vật kiến trúc năm 2024
Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 – TKV

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty điện lực TKV-CTCP về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, chi nhánh của Tổng công ty điện lực TKV- CTCP;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 của Tổng công ty Điện lực – TKV về việc ban hành Quy định về lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Tổng công ty Điện lực TKV – CTCP;

Căn cứ Văn bản số 2408/ĐLTKV-KH ngày 07/12/2023 của Tổng công ty Điện lực – TKV về việc Tạm giao/Thông qua các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2071/QĐ-ĐN5 ngày 29/12/2023 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ báo cáo thẩm định dự toán và báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp ngày 20 tháng 5 năm 2024 về Thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật Hạng mục: Sửa chữa vật kiến trúc năm 2024 Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Theo đề nghị của phòng KHĐT-VT tại Tờ trình ngày 14/5/2024 về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật Hạng mục: Sửa chữa vật kiến trúc năm 2024 Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật Hạng mục: Sửa chữa vật kiến trúc năm 2024 Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV với các nội dung chính như sau:

- Giá trị dự toán: **14.018.646 đồng** (Bằng chữ: Mười bốn triệu, không trăm mười tám ngàn, sáu trăm bốn mươi sáu đồng). Chi tiết như phụ lục dự toán đính kèm.

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2024.

- Hình thức lựa chọn Nhà cung cấp: Ký hợp đồng trực tiếp theo quy định tại khoản 7, Điều 8, Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV.

- Phương thức lựa chọn Nhà cung cấp: Một giai đoạn một túi hồ sơ.

- Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà cung cấp: Quý II/2024.

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (Không bao gồm thời gian chờ, thời gian thẩm định và thời gian cấp có thẩm quyền phê duyệt).

Điều 2: Dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt là căn cứ để tổ chức lựa chọn nhà thầu và các công tác khác có liên quan.

Điều 3: Giao cho Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu đúng theo quy định hiện hành và giao cho Phòng KT-AT thực hiện giám sát, nghiệm thu công tác thực hiện thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật của nhà thầu;

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông Phó giám đốc, Kế toán trưởng, trưởng các phòng ban liên quan và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Các PGD, KTT (e-copy);
- Trang website TKV (để đăng tải);
- Trang Website dienluctkv.vn (để đăng tải);
- Lưu: VT, TCKT, KHĐT, VT, H.



GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC 1: BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ DỰ TOÁN

Thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật Hạng mục: Sửa chữa vật kiến trúc năm 2024 Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV

(Kèm theo quyết định số 709 /QĐ – ĐN5 ngày 20 tháng 5 năm 2024)

Số TT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Hệ số	Thành tiền (đồng)
1	Chi phí chuyên gia	CG	Bảng 1.1		7.596.000
2	Chi phí quản lý	QL	$QL = CG \times 55\%$	55%	4.177.800
3	Chi phí khác	K			500.000
-	Văn phòng phẩm, in ấn, khấu hao tài sản...		Trọn gói		500.000
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	TT	$TT = (CG + QL) \times 6\%$	6%	706.428
	Tổng cộng chi phí trị trước thuế	TC	$TC = (CG + QL + K)$		12.980.228
5	Thuế giá trị gia tăng (VAT)	GTGT	$GTGT = TC \times 8\%$	8%	1.038.418
	Tổng cộng		$TC + GTGT$		14.018.646

(Bằng chữ: Mười bốn triệu, không trăm mười tám ngàn, sáu trăm bốn mươi sáu đồng)./.

PHỤ LỤC 1.1: CHỈ PHÍ CHUYÊN GIA THẨM TRA BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT
(Kèm theo QĐ số 709 /QĐ – ĐN5 ngày 20 tháng 5 năm 2024)

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Loại hình chuyên gia	Thời gian thực hiện (ngày)	Số người	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
I	Thẩm tra Phương án kỹ thuật							
1	Xem xét điều kiện năng lực hoạt động của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật.	Ngày	Chủ trì	1	1	1.035.000	1.035.000	
2	Xem xét sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật.	Ngày	Chủ trì	1	1	1.035.000	1.035.000	
3	Xem xét sự phù hợp và kiểm tra khối lượng thi công trong phương án và bản vẽ thiết kế...	Ngày	Chủ trì	2	1	1.035.000	2.070.000	
II	Thẩm tra dự toán							
1	Thẩm tra tổng dự toán (Thẩm tra đơn giá, định mức theo quy định hiện hành; Xác định tính đúng đắn của tổng dự toán)...theo các quy định hiện hành.	Ngày	Chủ trì	1	1	1.035.000	1.035.000	
		Ngày	Kỹ sư	1	1	693.000	693.000	
III	Lập báo cáo thẩm tra BCKTKT trình Chủ đầu tư.							
1	Lập báo cáo thẩm tra BCKTKT trình Chủ đầu tư.	Ngày	Chủ trì	1	1	1.035.000	1.035.000	
		Ngày	Kỹ sư	1	1	693.000	693.000	
	Tổng cộng (chưa VAT)			8			7.596.000	

PHỤ LỤC 02

NỘI DUNG YÊU CẦU CỦA GÓI CUNG CẤP

**Thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật Hạng mục: Sửa chữa vật kiến trúc năm
2024 Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV**

(Kèm theo Tờ trình ngày 26/4/2024)

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. YÊU CẦU CỦA HỒ SƠ ĐỀ XUẤT.....	7
Mục 1: Tóm tắt nội dung của gói Tư vấn.....	7
Mục 2: Tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất	7
Mục 3. Các yêu cầu về thương mại.....	8
Mục 4. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong Hồ sơ đề xuất	9
Mục 5. Nội dung hồ sơ đề xuất.....	9
Mục 6. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ đề xuất	9
Mục 7. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ đề xuất.....	9
Mục 8. Làm rõ Hồ sơ đề xuất.....	10
Mục 9. Đánh giá Hồ sơ đề xuất	11
Mục 10. Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp.....	11
Mục 11. Hợp đồng	11
Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA DỊCH VỤ	12
CHƯƠNG III. BIỂU MẪU.....	13
ĐƠN CHÀO GIÁ.....	13
BẢNG GIÁ CHÀO CỦA DỊCH VỤ	14
CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI.....	16
BẢN KÊ CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG PHẠM VI CUNG CẤP.....	17
(DỰ THẢO HỢP ĐỒNG).....	18

CHƯƠNG I. YÊU CẦU CỦA HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 1: Tóm tắt nội dung của gói Tư vấn

1. Gói cung cấp: Thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật Hạng mục: Sửa chữa vật kiến trúc năm 2024 Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV.
2. Nguồn vốn thực hiện: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2024.
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (Không bao gồm thời gian chờ, thời gian thẩm định và thời gian cấp có thẩm quyền phê duyệt)
4. Loại hợp đồng: Trọn gói
5. Địa điểm thực hiện: Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5, thôn 2, xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng và xã Đăk Sin, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông;
6. Phạm vi cung cấp dịch vụ: Chi tiết như Mục 2, Chương III của Hồ sơ yêu cầu.

Mục 2: Tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất

1. Nhà cung cấp phải có văn bản đề xuất dự Hồ sơ đề xuất cung cấp (HSDXCC) và có đầy đủ nội dung theo quy định tại mẫu số 2 đính kèm dưới đây.
2. Nhà cung cấp phải đáp ứng về tư cách hợp lệ với các điều kiện sau đây:
 - Nhà cung cấp tư vấn thực hiện công tác thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật phải có chuyên ngành phù hợp, có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức theo quy định của hiện hành của Nhà nước cụ thể như sau:
 - + Có đăng ký kinh doanh có ngành nghề kinh doanh phù hợp với yêu cầu của Gói cung cấp.
 - + Có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng thuộc lĩnh vực thẩm tra thiết kế xây dựng công trình Công nghiệp - Dân dụng hạng III trở lên.
 - + Hạch toán tài chính độc lập;
 - + Không đang trong quá trình bị giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng bị phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
 - + Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp Tư vấn bị cấm tham dự quá trình của ĐLTKV và của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5- TKV.
 - Các chuyên gia tư vấn thực hiện thẩm tra BCKTKT phải có chuyên môn phù hợp với các lĩnh vực mà mình tham gia và phải có đủ năng lực, bằng cấp, chứng chỉ, trình độ, kinh nghiệm cần thiết theo quy định đảm bảo chất lượng, tiến độ công việc.
3. Tài liệu đính kèm để chứng minh năng lực và kinh nghiệm của Nhà cung cấp:
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Bản sao có chứng thực).
 - Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng thuộc lĩnh vực thẩm tra thiết kế

xây dựng công trình công nghiệp hạng III trở lên (Bản sao có chứng thực).

- Cam kết trên thư chào giá đáp ứng về tư cách hợp lệ nêu tại Khoản 2, Mục 2, Chương I của Hồ sơ yêu cầu.

- Báo cáo tài chính tối thiểu 3 năm từ 2021-2023 có đầy đủ thuyết minh báo cáo tài chính đã nộp cho cơ quan thuế và có xác nhận của cơ quan thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ thuế với Nhà nước của năm 2023 (bản sao có chứng thực) hoặc bản xác nhận đã kê khai thuế điện tử và chứng từ thanh toán thuế cho năm 2023.

- Có ít nhất 01 hợp đồng tương tự: Hợp đồng về Thẩm tra BCKTKT công trình Công nghiệp có giá trị tối thiểu 7.000.000 đồng (đính kèm hợp đồng, Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, hóa đơn GTGT, biên bản thanh lý hợp đồng đối với hợp đồng đã hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc. Tất cả tài liệu liên quan đến hợp đồng tương tự phải sao y bản chính).

- Nhân sự của Nhà cung cấp tư vấn thẩm tra phải có trình độ chuyên môn và đáp ứng các điều kiện sau:

+ 01 chuyên gia là kỹ sư chủ trì nội dung công việc tư vấn (kỹ sư xây dựng/Kỹ sư kỹ thuật công trình): Có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 10 đến dưới 15 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn, có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình công nghiệp hạng III còn hiệu lực.

+ 01 chuyên gia là kỹ sư chủ trì nội dung công việc tư vấn (kỹ sư kinh tế kỹ thuật): Có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 10 đến dưới 15 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn, có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng tối thiểu hạng III còn hiệu lực.

+ 01 chuyên gia là kỹ sư chính thực hiện công việc (kỹ sư xây dựng/Kỹ sư kỹ thuật công trình) thực hiện công việc chính cho một nội dung công việc: Lập BC KTKT. Có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn, có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình công nghiệp tối thiểu hạng III còn hiệu lực;

+ 01 chuyên gia là kỹ sư chính thực hiện công việc (kỹ sư kinh tế kỹ thuật) thực hiện công việc chính cho một nội dung công việc: Lập dự toán. Có chuyên môn được đào tạo phù hợp với chuyên ngành tư vấn và có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn, có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng tối thiểu hạng III còn hiệu lực;

Tất cả bằng cấp, chứng chỉ của nhân sự phải là bản sao y có chứng thực.

Mục 3. Các yêu cầu về thương mại.

1. Giá chào: Giá chào là giá do Nhà cung cấp ghi trong đơn chào giá, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện tư vấn theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu, bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp Nhà cung cấp chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp sẽ không đạt.

2. Trường hợp Nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể theo hình thức thư giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào đơn chào giá và bảo đảm Bên mời Nhà cung cấp nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất. Trong đề xuất

giảm giá, Nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho toàn bộ đơn hàng.

3. Nhà cung cấp chào trọn gói cho toàn bộ các công việc theo nội dung yêu cầu của Gói cung cấp. Chi tiết tại Mẫu số 1 đính kèm.

4. Địa điểm thực hiện: Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5, thôn 2, xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng và xã Đăk Sin, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

5. Điều khoản thanh toán: Chi tiết như dự thảo hợp đồng đính kèm.

Mục 4. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong Hồ sơ đề xuất

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi khoản chi phí liên quan đến quá trình tham dự cung cấp dịch vụ;

2. Đồng tiền tham dự cung cấp dịch vụ và thanh toán là VNĐ;

3. Hồ sơ đề xuất cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ đề xuất được trao đổi giữa Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Hồ sơ đề xuất có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời cung cấp có thể yêu cầu Nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 5. Nội dung hồ sơ đề xuất

Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc Hồ sơ đề xuất gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào giá theo Mẫu số 01, Chương III, Biểu chào giá chi tiết theo Mẫu số 02, Chương III.

Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ đề xuất có đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà Nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0”, Nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá với đúng giá đã chào.

2. Các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm của nhà cung cấp quy định tại Mục 2 của Chương này.

3. Bảng liệt kê chi tiết nội dung dịch vụ phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương II - Phạm vi, yêu cầu của dịch vụ, theo Mẫu số 04, Chương III-Biểu mẫu.

4. Bản cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05, Chương III-Biểu mẫu

Mục 6. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ đề xuất

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất giá là **30 ngày**, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất.

Mục 7. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ đề xuất.

1. Trường hợp nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu điện: Hồ sơ đề xuất phải được đóng trong phong bì dán kín có ghi đầy đủ tên, địa chỉ của nhà cung cấp, tên, số hiệu của gói cung cấp và ghi rõ Hồ sơ đề xuất không được mở trước

16 giờ 00 phút ngày 22 tháng 5 năm 2024, có niêm phong gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường I, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng không muộn hơn 16 giờ 00 phút ngày 22 tháng 5 năm 2024. Hồ sơ đề xuất được gửi đến Bên mời cung cấp sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất sẽ không được xem xét.

2. Trường hợp nộp qua email: Hồ sơ đề xuất tổng hợp vào 01 Folder gửi đồng thời 2 địa chỉ Email: vanthudn5.2012@gmail.com và tochuyengiadn5@gmail.com. không muộn hơn 16 giờ 00 phút ngày 22 tháng 5 năm 2024.

3. Hồ sơ đề xuất sẽ được mở một cách công khai tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường I, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng trong vòng 1 giờ kể từ khi có thời điểm đóng bản chào giá. Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ đề xuất chứng kiến và xác nhận việc mở các Hồ sơ đề xuất, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở Hồ sơ đề xuất vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của Nhà cung cấp này.

4. Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ đề xuất của các Nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: tên Nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất, giá trị bảo lãnh, thời gian và hiệu lực của bảo lãnh sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn Nhà cung cấp.

Bên mời cung cấp chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong Hồ sơ cho đến khi công bố kết quả lựa chọn Nhà cung cấp.

Mục 8. Làm rõ Hồ sơ đề xuất

1. Sau khi mở Hồ sơ đề xuất, Nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Hồ sơ đề xuất theo yêu cầu của Bên mời cung cấp. Trường hợp Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm thì Bên mời cung cấp yêu cầu Nhà cung cấp làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện. Đối với các nội dung đề xuất về dịch vụ cung cấp, tài chính nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của Nhà cung cấp tham gia chào giá, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Hồ sơ đề xuất đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ Hồ sơ đề xuất giữa Nhà cung cấp và Bên mời cung cấp được thực hiện thông qua văn bản.

3. Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày mở Hồ sơ đề xuất, trường hợp Nhà cung cấp phát hiện Hồ sơ đề xuất của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện thì Nhà cung cấp được phép gửi tài liệu đến Bên mời cung cấp để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện của mình. Bên mời cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà cung cấp để xem xét, đánh giá. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm được coi như một phần của Hồ sơ đề xuất.

4. Việc làm rõ Hồ sơ đề xuất chỉ được thực hiện giữa Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp có Hồ sơ đề xuất cần phải làm rõ. Các tài liệu làm rõ về tư cách

hợp lệ, năng lực thực hiện được coi là một phần của Hồ sơ đề xuất và được Bên mời cung cấp bảo quản như Hồ sơ đề xuất.

Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà Nhà cung cấp không làm rõ được hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời cung cấp thì Bên mời cung cấp sẽ đánh giá Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp theo Hồ sơ đề xuất đã nộp hợp lệ trước đó.

Mục 9. Đánh giá Hồ sơ đề xuất

Việc đánh giá Hồ sơ đề xuất được thực hiện theo các quy định dưới đây:

1. Đánh giá về tính hợp lệ của Hồ sơ đề xuất:

Hồ sơ đề xuất được đánh giá là hợp lệ khi bao gồm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu được quy định tại Mục 2, Chương I của Hồ sơ yêu cầu.

2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Đánh giá theo tiêu chí đạt/ không đạt để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của Nhà cung cấp trên cơ sở các tiêu chí yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm được nêu tại Hồ sơ mời chào giá.

3. Đánh giá về yêu cầu về kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt làm cơ sở để đánh giá về mặt kỹ thuật bao gồm:

- Nội dung, phạm vi cung cấp dịch vụ;
- Tiến độ cung cấp dịch vụ;
- Thời hạn cung cấp dịch vụ;
- Cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05

Chương III - Biểu mẫu.

4. Đánh giá về giá:

- Cách xác định đơn giá đánh giá thấp nhất: Xác định đơn giá chào đối với dịch vụ nêu tại Chương II (đã bao gồm sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, nếu có).

Hồ sơ đề xuất có đáp ứng về nội yêu cầu về kỹ thuật và có đơn giá thấp hơn đơn giá dự toán được duyệt sẽ được đánh giá là đạt.

Mục 10. Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp dịch vụ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ đề xuất đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Hồ sơ yêu cầu;

Mục 11. Hợp đồng

Nhà cung cấp được duyệt sẽ ký kết và thực hiện hợp đồng với Bên mời cung cấp với các nội dung hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các điều kiện chính theo Mẫu số 05 Chương III.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA DỊCH VỤ

Nhà cung cấp phải chào dịch vụ theo nội dung yêu cầu dưới đây:

Tên gói: Thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật Hạng mục: Sửa chữa vật kiến trúc năm 2024 Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Phạm vi, nội dung yêu cầu của cung cấp dịch vụ

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Loại hình chuyên gia	Thời gian thực hiện (ngày)	Số người
I	Thẩm tra Phương án kỹ thuật				
1	Xem xét điều kiện năng lực hoạt động của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật.	Ngày	Chủ trì	1	1
2	Xem xét sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật.	Ngày	Chủ trì	1	1
3	Xem xét sự phù hợp và kiểm tra khối lượng thi công trong phương án và bản vẽ thiết kế...	Ngày	Chủ trì	2	1
II	Thẩm tra dự toán				
1	Thẩm tra tổng dự toán (Thẩm tra đơn giá, định mức theo quy định hiện hành; Xác định tính đúng đắn của tổng dự toán)...theo các quy định hiện hành.	Ngày	Chủ trì	1	1
		Ngày	Kỹ sư	1	1
III	Lập báo cáo thẩm tra BCKTKT trình Chủ đầu tư.				
1	Lập báo cáo thẩm tra BCKTKT trình Chủ đầu tư.	Ngày	Chủ trì	1	1
		Ngày	Kỹ sư	1	1

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO GIÁ

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào GIÁ]

Tên gói dịch vụ: _____ [Ghi tên gói dịch vụ theo Hồ sơ yêu cầu]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của Bên mời cung cấp]

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu gói mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, [Ghi tên Nhà cung cấp], cam kết thực hiện cung cấp dịch vụ..... [Ghi tên gói dịch vụ] theo đúng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với Bảng giá chào và các điều kiện thương mại chi tiết như Mẫu số 2 đính kèm. Thời gian thực hiện hợp đồng là [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.
 2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
 3. Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham dự quá trình của ĐLTKV và của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV
- Nếu Hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết thực hiện cung cấp dịch vụ đảm bảo đúng chất lượng, số lượng theo yêu cầu của Bên mời cung cấp.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng gói chào cung cấp].

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA DỊCH VỤ**Mẫu số 02**

Ngày:.....[Điền ngày, tháng, năm]

Tên dịch vụ:[Ghi tên dịch vụ theo Hồ sơ yêu cầu]

Số TT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Hệ số	Thành tiền (đồng)
1	Chi phí chuyên gia	CG	Bảng 1.1		
2	Chi phí quản lý	QL	$QL = CG \times 55\%$	55%	
3	Chi phí khác	K			
-	Văn phòng phẩm, in ấn, khấu hao tài sản...		Trọn gói		
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	TT	$TT = (CG + QL) \times 6\%$	6%	
	Tổng cộng chi phí trị trước thuế	TC	$TC = (CG + QL + K)$		
5	Thuế giá trị gia tăng (VAT)	GTGT	$GTGT = TC \times 8\%$	8%	
	Tổng cộng		$TC + GTGT$		

(Bảng chữ:)/.

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC 1.1: CHUYÊN GIA THẨM TRA BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Loại hình chuyên gia	Thời gian thực hiện (ngày)	Số người	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
I	Thẩm tra Phương án kỹ thuật							
1	Xem xét điều kiện năng lực hoạt động của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật.	Ngày	Chủ trì	1	1			
2	Xem xét sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật.	Ngày	Chủ trì	1	1			
3	Xem xét sự phù hợp và kiểm tra khối lượng thi công trong phương án và bản vẽ thiết kế...	Ngày	Chủ trì	2	1			
II	Thẩm tra dự toán							
1	Thẩm tra tổng dự toán (Thẩm tra đơn giá, định mức theo quy định hiện hành; Xác định tính đúng đắn của tổng dự toán)...theo các quy định hiện hành.	Ngày	Chủ trì	1	1			
		Ngày	Kỹ sư	1	1			
III	Lập báo cáo thẩm tra BCKTKT trình Chủ đầu tư.							
1	Lập báo cáo thẩm tra BCKTKT trình Chủ đầu tư.	Ngày	Chủ trì	1	1			
		Ngày	Kỹ sư	1	1			

CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]

Tên gói: Thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật Hạng mục: Sửa chữa vật kiến trúc năm 2024 Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV

1. Địa điểm thực hiện:
2. Thời hạn giao nộp sản phẩm:
3. Tiến độ thực hiện cung cấp dịch vụ:
4. Thanh toán:
5. Các tài liệu đính kèm hồ sơ đề xuất

BẢN KÊ CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG PHẠM VI CUNG CẤP

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]

Tên gói: _____ [Ghi tên gói cung cấp theo Hồ sơ yêu cầu]

Bảng liệt kê chi tiết danh mục các công việc thực hiện của dịch vụ được chào giá, phải ghi đầy đủ tiến độ thực hiện đáp ứng theo yêu cầu nêu tại Chương II của Hồ sơ yêu cầu.

(DỰ THẢO HỢP ĐỒNG)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: /2024/HĐSXKD-ĐN5

Gói cung cấp: Thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật
**Hạng mục: Sửa chữa vật kiến trúc năm 2024 Công ty Thủy điện Đồng Nai 5-
TKV.**

Giữa

Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV

Và

.....

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
Luật Xây dựng số 50/2014/QH13	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.
Luật số 62/2020/QH14	Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
Nghị định số 37/2015/NĐ-CP	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
Nghị định số 50/2021/NĐ-CP	Nghị định số 50/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
Nghị định số 06/2021/NĐ-CP	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng
Nghị định số 15/2021/NĐ-CP	Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày tháng năm 2024, tại Văn phòng Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường 1, TP Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư: (Bên A): Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV

- Đại diện là: Ông Trần Văn Tuấn, Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ: Số 10, đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.
- Tài khoản: 1020831973 Tại Ngân hàng Vietcombank Bảo Lộc, Lâm Đồng.
- Mã số thuế: 0104297034-007
- Điện thoại: 02633 976 888

Và bên kia là:

2. Nhà cung cấp tư vấn: (Bên B):

- Đại diện:, chức vụ:
- Địa chỉ:
- Tài khoản:
- Mã số thuế:
- Điện thoại:

Hai bên cùng thống nhất ký Hợp đồng tư vấn thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật Hạng mục: Sửa chữa vật kiến trúc năm 2024. như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-ĐN5 ngày .../.../2024 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn Nhà cung cấp Tư vấn thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật. Hạng mục: Sửa chữa vật kiến trúc năm 2024;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày .../.../2024 giữa bên mời Nhà cung cấp và Nhà cung cấp về việc thực hiện Gói cung cấp: Tư vấn thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật Hạng mục: Sửa chữa vật kiến trúc năm 2024;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-ĐN5 ngày .../.../2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà cung cấp thực hiện Gói cung cấp: Tư vấn thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật Hạng mục: Sửa chữa vật kiến trúc năm 2024.

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

- Chủ đầu tư (Bên A) là Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV.
2. Nhà cung cấp tư vấn (Bên B) là
3. Hạng mục: Sửa chữa vật kiến trúc năm 2024
4. Mục:
5. Gói cung cấp là Gói cung cấp: Gói cung cấp: Tư vấn thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật.
6. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.
7. Đại diện Nhà cung cấp tư vấn là người được Nhà cung cấp tư vấn nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà cung cấp tư vấn chỉ định và thay mặt Nhà cung cấp tư vấn điều hành công việc.
8. Nhà cung cấp phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với Nhà cung cấp tư vấn để trực tiếp thực hiện công việc.
9. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 3 [Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên].
10. Bên là Đại diện Chủ đầu tư hoặc Nhà cung cấp tư vấn tùy theo hoàn cảnh cụ thể.
11. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
12. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.
13. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Loại Hợp đồng

Loại Hợp đồng: Hợp đồng trọn gói [quy định tại ĐKCT]

Điều 3. Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây.

2. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

- a) Điều kiện cụ thể của Hợp đồng;
- b) Điều kiện chung của Hợp đồng;
- c) Biên bản đàm phán Hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng;
- d) Các phụ lục của Hợp đồng;
- e) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo Hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

2. Ngôn ngữ của Hợp đồng [quy định tại ĐKCT].

Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng Hợp đồng (đối với trường hợp các Bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng)

Không áp dụng.

Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của Hợp đồng tư vấn.

1. Bên A giao, Bên B nhận thực hiện Gói cung cấp: Tư vấn thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật. Hạng mục: Sửa chữa vật kiến trúc năm 2024 phê duyệt tại Quyết định số .../QĐ-ĐN5 ngày ../../2024 và các quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, Luật sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021, Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ và các văn bản pháp luật hướng dẫn hiện hành có liên quan.

2. Bên B phải lập và trình cho Bên A sản phẩm của Hợp đồng tư vấn xây dựng:

Hồ sơ giao nộp: 05 bộ Hồ sơ báo cáo thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật.

Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung Hợp

đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các Bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho Hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của Hợp đồng tư vấn xây dựng phải được Bên B hoàn chỉnh theo đúng các Điều Khoản thỏa thuận trong Hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của Hợp đồng [quy định tại ĐKCT].

Điều 9. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các Bên.

2. Hồ sơ Gồm:

- Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật (05 bộ).

4. Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho Hợp đồng tư vấn xây dựng.

Điều 10. Giá Hợp đồng

1. Giá Hợp đồng

a) Giá Hợp đồng được xác định với số tiền: [quy định tại ĐKCT].

b) Phương pháp điều chỉnh giá Hợp đồng thực hiện theo Điều 11 [Điều chỉnh Hợp đồng tư vấn xây dựng].

2. Nội dung của giá Hợp đồng

Giá Hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí và chi phí để Bên B thực hiện Hợp đồng. Trong quá trình nghiệm thu thanh toán, việc xác định tỷ lệ thuế GTGT sẽ được xác định theo quy định của Pháp luật hiện hành. Trường hợp có sự thay đổi về chính sách thuế tại thời điểm nghiệm thu thì hai bên ký phụ lục điều chỉnh giá hợp đồng để làm căn cứ thanh toán, quyết toán và thanh lý hợp đồng.

Điều 11. Điều chỉnh Hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Phương pháp điều chỉnh giá Hợp đồng: Không áp dụng.

2. Điều chỉnh khối lượng công việc của Hợp đồng tư vấn

Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong Hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng của Hợp đồng tư vấn [quy định tại ĐKCT].

3. Điều chỉnh tiến độ của Hợp đồng tư vấn

- Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện Hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

- Khi điều chỉnh tiến độ Hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Bên A và Bên B có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

- Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:

+ Bên A, Bên B căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện Hợp đồng.

+ Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện Hợp đồng thì Bên A, Bên B căn cứ nội dung Hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện Hợp đồng tư vấn [quy định tại ĐKCT].

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Quyền của Bên B:

a) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn.

b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Bên A hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi Hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Bên A.

d) Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các Khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Bên B:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Giám sát tác giả, trả lời các nội dung có liên quan đến hồ sơ Báo cáo phương án kỹ thuật theo yêu cầu của Bên A.

c) Bảo quản và giao lại cho Bên A những tài liệu do Bên A cung cấp theo Hợp đồng sau khi hoàn thành công việc theo quy định.

d) Thông báo ngay bằng văn bản cho Bên A về những thông tin, tài liệu không đầy đủ để hoàn thành công việc.

đ) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà Hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của Hợp đồng:

Bên B phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Bên B theo Hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Bên B trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong Hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Bên B để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các Điều Khoản được quy định trong Hợp đồng thì Bên B phải chịu trách nhiệm.

f) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho Hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

g) Nộp cho Bên A các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Bên B thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc

hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

h) Bên B có trách nhiệm trình bày và bảo vệ kết quả về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Bên A tổ chức.

i) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ Điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật.

j) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Bên A cho tới ngày hoàn thành nghĩa vụ giám sát tác giả theo quy định của Hợp đồng.

k) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng theo đúng thỏa thuận của hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

l) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Bên A, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

m) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Quyền của Bên A:

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo Hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo Hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của Bên B nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Bên B.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận Hợp đồng.

e) Yêu cầu Bên B thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Bên A:

a) Cung cấp cho Bên B thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong Hợp đồng (nếu có).

b) Giải quyết kiến nghị của Bên B theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện Hợp đồng đúng thời hạn do các Bên thỏa thuận trong Hợp đồng.

c) Thanh toán đầy đủ cho Bên B theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong Hợp đồng.

d) Hướng dẫn Bên B về những nội dung liên quan đến dự án; tạo Điều kiện để Bên B được tiếp cận với công trình, thực địa.

đ) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Bên B.

e) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Bên B nếu Bên A cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của Hợp đồng.

Điều 14. Nhà cung cấp phụ (nếu có)

1. Đối với Nhà cung cấp phụ chưa có danh sách trong Hợp đồng, Bên B phải trình danh sách, hồ sơ năng lực và kinh nghiệm của Nhà cung cấp phụ cũng

như phạm vi công việc mà Nhà cung cấp phụ sẽ đảm nhận để Bên A xem xét chấp thuận bằng văn bản trước khi ký Hợp đồng Nhà cung cấp phụ.

2. Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Bên A về chất lượng, tiến độ cũng như các sai sót của Nhà cung cấp phụ.

3. Bên B cam kết với Bên A rằng sẽ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản chi phí cho Nhà cung cấp phụ được quy định trong Hợp đồng với Nhà cung cấp phụ.

Điều 15. Nhân lực của Bên B

1. Nhân lực của Bên B phải đủ Điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về Điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được quy định cụ thể tại Phụ lục số 02 [Nhân lực của Bên B].

2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong Phụ lục số 02 [Nhân lực của Bên B]. Trường hợp thay đổi nhân sự, Bên B phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Bên A, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Bên A không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên B thì nhân sự đó coi như được Bên A chấp thuận.

3. Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Bên A hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Bên B phải gửi văn bản thông báo cho Bên A trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Bên B chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Bên B có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng Giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Bên A chấp thuận.

5. Bên B tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Bên B không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (Giá Hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Bên B sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Bên A được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong Hợp đồng mà không cần phải xin phép Bên B.

Bên B phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do Bên B thực hiện và cung cấp cho Bên A không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc Bên thứ ba nào.

Bên A sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn của Hợp đồng này do Bên B đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay Bên thứ ba nào khác.

Điều 17. Bảo hiểm

Nhà cung cấp mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp đồng xây dựng trong tương lai. Trong Hợp đồng xây dựng các bên phải quy định trách nhiệm của mỗi Bên về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi Bên trong trường hợp gặp rủi ro.

2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết Hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự.

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một Bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ Hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các Bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong Giá Hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Bên B phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào Giá hợp đồng.

c) Bên B phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Bên A (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Bên A phải bồi thường những tổn hại cho Bên B đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

5. Trách nhiệm của các Bên đối với bất khả kháng:

a) Nếu Bên B bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo Hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các Điều Khoản của Hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Bên B sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của Hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các Điều Khoản quy định trong Hợp đồng.

b) Bên A phải xem xét quyết định các đề nghị của Bên B.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ Bên nào cho Bên kia theo Hợp đồng.

6. Chấm dứt và thanh toán Hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có):

a) Nếu việc thực hiện các công việc của Hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của Hợp đồng trong khoảng thời gian mà

tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai Bên có quyền gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng cho Bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Bên A sẽ phải thanh toán cho Bên B các khoản thanh toán cho những công việc đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong Hợp đồng.

Điều 19. Tạm ngừng công việc trong Hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Bên A

Nếu Bên B không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Bên A có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Bên B, Bên A phải nêu rõ phần lỗi của Bên B và yêu cầu Bên B phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi Bên B

a) Nếu Bên A không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, không thanh toán theo các Điều Khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Bên A, Bên B có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Bên A thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, Bên B phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo Khoản này, Bên B phải thông báo cho Bên A để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Bên A xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một Bên phải thông báo cho Bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

Điều 20. Chấm dứt Hợp đồng

1. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A

Bên A có thể chấm dứt Hợp đồng sau [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến Bên B. Bên A sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng khi:

a) Bên B không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Bên B không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng [quy định tại ĐKCT] mà Bên A có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A về sai sót đó.

b) Bên B không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 23 [Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc [quy định tại ĐKCT] liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

c) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên A.

d) Bên B bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Bên B không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 25 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

g) Bên B cố ý trình Bên A các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Bên A.

h) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 18 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A có thể thuê các Nhà cung cấp tư vấn khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Bên A và các Nhà cung cấp tư vấn này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên B

Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Bên A tối thiểu là [quy định tại ĐKCT] trong các trường hợp sau đây:

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Bên A trong khoảng thời gian [quy định tại ĐKCT].

b) Bên A không thanh toán cho Bên B theo Hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Bên A không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 25 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Bên B không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian [quy định tại ĐKCT].

đ) Bên A bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt Hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các Bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai Bên chấm dứt Hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt Hợp đồng, Bên B sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 10 [Giá Hợp đồng] và Điều 24 [Tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác,...).

Điều 21. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

1. Quyết toán Hợp đồng

a) Việc quyết toán Hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.

b) Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo Hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Bên A rằng Bên B đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng, Bên B sẽ trình cho Bên A 05 bộ tài liệu quyết toán Hợp đồng, hồ

sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
- Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Bên A phải thanh toán cho Bên B.

c) Nếu Bên A không đồng ý hoặc cho rằng Bên B chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán Hợp đồng, Bên B sẽ cung cấp thêm thông tin khi Bên A có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai Bên. Bên B sẽ chuẩn bị và trình cho Bên A quyết toán hợp đồng như hai Bên đã thống nhất.

d) Sau khi Hợp đồng được quyết toán theo quy định, Bên A sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của Hợp đồng cho Bên B.

2. Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày các Bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 20 [Chấm dứt Hợp đồng].

Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành [quy định tại ĐKCT]:

Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do Bên B cung cấp, Bên A căn cứ vào Hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng Bên B phải hoàn chỉnh theo đúng các Điều Khoản thỏa thuận trong Hợp đồng.

Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Tiến độ thực hiện Hợp đồng được quy định cụ thể với tổng thời gian thực hiện là [quy định tại ĐKCT].

2. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, trường hợp Bên B hoặc Bên A gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một Bên phải thông báo cho Bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một Bên, Bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn Hợp đồng, các Bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

3. Việc gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng không được phép làm tăng giá Hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Bên B.

Điều 24. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng:

Thời gian chậm nhất là [quy định tại ĐKCT], Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà cung cấp tư vấn là [quy định tại ĐKCT] với số tiền là [quy định tại ĐKCT].

2. Tiến độ thanh toán:

Số lần thanh toán là [quy định tại ĐKCT].

Trong vòng [quy định tại ĐKCT], kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Bên B, Bên A phải thanh toán cho Bên B.

3. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán của Bên B.
- Hoá đơn giá trị gia tăng lập bởi Bên B.
- Biên bản xác định giá trị thanh toán được xác nhận bởi đại diện Bên A và

Bên B.

- Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng được xác nhận bởi đại diện Bên A và Bên B.

- Biên bản nghiệm thu sản phẩm tư vấn hoàn thành được xác nhận bởi Bên A và Bên B.

- Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật của cơ quan có thẩm quyền của Bên A.

4. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Khi một Bên phát hiện Bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng Hợp đồng thì có quyền yêu cầu Bên kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết. Khi đó Bên phát hiện có quyền khiếu nại Bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng [quy định tại ĐKCT]. Nếu những căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của Bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với Hợp đồng đã ký, Bên phát hiện phải thông báo ngay cho Bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không Bên nào có khiếu nại thì các Bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, Bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của Bên kia là không phù hợp với Hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu Bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do Bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải: [quy định tại ĐKCT].

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các Bên được quyền gửi vấn đề lên Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Tòa án Nhân dân là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các Bên.

Giải quyết tranh chấp: [quy định tại ĐKCT].

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 26. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thưởng Hợp đồng: Trường hợp Bên B hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng sớm hơn so với thời hạn quy định trong Hợp đồng này, mang lại hiệu quả cho Bên A thì cứ khoảng thời gian [quy định tại ĐKCT] Bên A sẽ thưởng cho bên B với mức thưởng tối đa [quy định tại ĐKCT].

2. Phạt vi phạm Hợp đồng

Đối với Bên B: Nếu chậm tiến độ thực hiện Hợp đồng [quy định tại

ĐKCT] thì phạt [quy định tại ĐKCT] nhưng tổng số tiền phạt không quá [quy định tại ĐKCT].

Đối với Bên A: Nếu thanh toán chậm cho Bên B theo quy định tại Điều 10 [Giá hợp đồng] và Điều 24 [Tạm ứng và thanh toán] thì phải bồi thường cho Bên B theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng thương mại mà Bên B mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Bên A đã thanh toán đầy đủ cho Bên B.

3. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại: [quy định tại ĐKCT].

Điều 27. Điều khoản chung

Các Bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của Hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của Bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong Hợp đồng; Không Bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các Điều đó.

Các Bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm [quy định tại ĐKCT].

Số lượng trang, số lượng phụ lục, số bản được thành lập, ngôn ngữ Hợp đồng, giá trị pháp lý, số bản Bên A sẽ giữ, số bản Bên B sẽ giữ [quy định tại ĐKCT].

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Loại Hợp đồng

Loại Hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng
Hợp đồng (đối với trường hợp các Bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng) Không áp dụng.

Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của Hợp đồng là: Bên B nộp 05 bộ Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật.

Điều 5. Giá Hợp đồng

Giá Hợp đồng được xác định với số tiền (đã bao gồm thuế GTGT 8%): đồng (Bằng chữ:). Giá đã bao gồm các khoản thuế, phí, lệ phí liên quan. Chi tiết như phụ lục 01 đính kèm.

Điều 6. Điều chỉnh Hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng, phạm vi và trình tự, thủ tục điều chỉnh khối lượng.

Trường hợp Bên A có yêu cầu thay đổi phạm vi công việc (tăng, giảm) trong Hợp đồng thì đối với khối lượng công việc này các Bên thỏa thuận điều chỉnh tương ứng.

Đối với khối lượng phát sinh ngoài phạm vi Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết mà chưa có đơn giá trong Hợp đồng thì được xác định trên cơ sở thỏa thuận Hợp đồng và quy định pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Các Bên phải ký kết phụ lục Hợp đồng làm cơ sở cho việc thanh toán, quyết toán Hợp đồng.

2. Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện Hợp đồng

a) Do ảnh hưởng của các sự kiện bất khả kháng.

b) Thay đổi, điều chỉnh phạm vi công việc theo yêu cầu của Bên A làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng.

c) Tạm dừng hợp đồng do lỗi của Bên A, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng mà không do lỗi của Bên B gây ra.

d) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Bên A gây ra.

Điều 7. Nhân lực của Bên B

Bên B phải gửi văn bản thông báo cho Bên A trong vòng 05 ngày.

Điều 8. Chấm dứt Hợp đồng

Bên A có thể chấm dứt Hợp đồng sau 28 ngày.

Bên B không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Bên B không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 28 ngày.

Bên B không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 23 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc 45 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản

trước cho Bên A tối thiểu là 28 ngày.

Công việc bị ngừng do lỗi của Bên A trong khoảng thời gian 28 ngày.

Bên A không thanh toán cho Bên B theo Hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Bên B không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian 30 ngày.

Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm sau khi Bên B hoàn thành phạm vi công việc tư vấn theo Hợp đồng và Báo cáo phương án kỹ thuật và dự toán được cấp có thẩm quyền của Bên A phê duyệt. Hồ sơ bao gồm.

Báo cáo kết quả thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật (06 bộ);

- Trường hợp hạng mục này không được phê duyệt mà không do lỗi của Nhà cung cấp thì hai bên thanh lý và thanh toán hợp đồng 70% giá trị hợp đồng, thời gian 12 tháng kể từ ngày bên B bàn giao tài liệu cho bên A.

Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng tư vấn xây dựng

Thời gian thực hiện: Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ (thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt, giám sát tác giả và các trường hợp bất khả kháng).

Tiến độ:

- Thời gian nộp báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực (xác nhận bằng biên bản bàn giao).

Không bao gồm thời gian do Bên A yêu cầu điều chỉnh về chất lượng sản phẩm (nếu có). Trong trường hợp có ý kiến của chủ đầu tư hoặc đơn vị thẩm tra yêu cầu sửa sai sót thì bên B điều chỉnh, chỉnh sửa hoàn thiện mà không được phép tăng giá hợp đồng.

Điều 11. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng:

Bên B không thực hiện tạm ứng hợp đồng nhưng vẫn cam kết thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng.

2. Tiến độ thanh toán

Số lần thanh toán là 02 lần:

Lần 1: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 90% giá trị hợp đồng trong vòng 30 ngày sau khi sản phẩm có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và Bên A nhận đủ 05 bộ hồ sơ thanh toán theo quy định tại Khoản 5 Điều này.

Lần 2: Thanh toán 10% giá trị còn lại của hợp đồng trong vòng 30 ngày khi Bên B hoàn thành tất cả các nghĩa vụ trong Hợp đồng và được nghiệm thu khối lượng hoàn thành hồ sơ quyết toán được thống nhất hai bên ký.

Điều 12. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Thời gian để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại là 30 ngày.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải là 30 ngày.

Khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Tòa án Nhân dân theo quy định của pháp luật là 30 ngày.

Giải quyết tranh chấp là 30 ngày. Quyết định của Tòa án nhân dân là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các Bên.

Điều 13. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thưởng hợp đồng: Không áp dụng

2. Phạt vi phạm Hợp đồng

Trường hợp Bên B vi phạm về thời hạn hoàn thành việc thực hiện Hợp đồng nêu mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Bên A gây ra (kể cả việc Bên B đã được Bên A gia hạn thời gian hoàn thành) thì Bên B sẽ bị phạt một khoản tiền tương ứng với 0,2% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày bị chậm nhưng tổng số tiền phạt tối đa không quá 8% giá trị Hợp đồng.

3. Bồi thường thiệt hại: Không áp dụng.

Điều 14. Điều khoản chung

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký cho đến khi thanh lý.

Hợp đồng này bao gồm ... trang và 02 Phụ lục được lập thành 05 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

.....

PHỤ LỤC 01 – GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

Số TT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Hệ số	Thành tiền (đồng)
1	Chi phí chuyên gia	CG	Bảng 1.1		
2	Chi phí quản lý	QL	$QL = CG \times 55\%$	55%	
3	Chi phí khác	K			
-	Văn phòng phẩm, in ấn, khấu hao tài sản...		Trộn gói		
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	TT	$TT = (CG + QL) \times 6\%$	6%	
	Tổng cộng chi phí trị trước thuế	TC	$TC = (CG + QL + K)$		
5	Thuế giá trị gia tăng (VAT)	GTGT	$GTGT = TC \times 8\%$	8%	
	Tổng cộng		$TC + GTGT$		

Bảng 1: Chi phí chuyên gia thẩm tra phương án kỹ thuật và dự toán

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Loại hình chuyên gia	Thời gian thực hiện (ngày)	Số người	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
I	Thẩm tra Phương án kỹ thuật						
1	Xem xét điều kiện năng lực hoạt động của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật.	Ngày	Chủ trì	1	1		
2	Xem xét sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật.	Ngày	Chủ trì	1	1		
3	Xem xét sự phù hợp và kiểm tra khối lượng thi công trong phương án và bản vẽ thiết kế...	Ngày	Chủ trì	2	1		
II	Thẩm tra dự toán						
1	Thẩm tra tổng dự toán (Thẩm tra đơn giá, định mức theo quy định hiện hành; Xác định tính đúng đắn của tổng dự toán)...theo các quy định hiện hành.	Ngày	Chủ trì	1	1		
		Ngày	Kỹ sư	1	1		
III	Lập báo cáo thẩm tra BCKTKT trình Chủ đầu tư.						
1	Lập báo cáo thẩm tra BCKTKT trình Chủ đầu tư.	Ngày	Chủ trì	1	1		
		Ngày	Kỹ sư	1	1		
	Tổng cộng						

PHỤ LỤC 02 - NHÂN LỰC CỦA BÊN B

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Vị trí đảm nhiệm trong Gói cung cấp